

# ẢNH HƯỞNG CỦA *KINH VIÊN GIÁC* TRONG TÁC PHẨM *TRÚC LÂM TÔNG CHỈ NGUYÊN THANH* CỦA NGÔ THÌ NHẬM

TRẦN HOÀNG HÙNG<sup>(\*)</sup>

Từ xưa đến nay, các tôn giáo lớn trên thế giới nói chung, Phật giáo nói riêng là một trong những nguồn cảm hứng bất tận của thi ca. Phật giáo là hệ tư tưởng vĩ đại của nhân loại, xuất hiện cách đây hơn 2554 năm ở Ấn Độ, hệ tư tưởng này có sức ảnh hưởng rất lớn đến nhiều khía cạnh của đời sống nhân loại, nhất là những dân tộc nằm trong sự ảnh hưởng của hai nền văn minh lớn: Ấn Độ và Trung Quốc, trong đó có Việt Nam. Dân tộc Việt Nam vốn từ xưa đã có truyền thống hoà hiếu và rộng mở, nên dễ dàng tiếp nhận những tinh hoa tư tưởng của các dân tộc khác. Từ khi Phật giáo truyền vào Việt Nam, thì dân tộc ta đã tiếp thu, tinh lọc và dung hoà tư tưởng Phật giáo với những nét văn hoá truyền thống tâm linh bản địa để tạo nên một nền văn hoá đặc sắc, độc đáo giàu bản sắc dân tộc, khu biệt với nền văn hoá của những dân tộc khác, kể cả những quốc gia dân tộc sản sinh ra hệ tư tưởng này như Ấn Độ và những quốc gia và vùng lãnh thổ chịu ảnh hưởng tư tưởng Phật giáo sâu sắc như Trung Quốc, Thái Lan, Miến Điện, Nhật Bản, Triều Tiên, Đài Loan, v.v... Cho nên việc tìm hiểu, nghiên cứu một cách nghiêm túc ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn học, để

hiểu sâu sắc hơn nữa văn hoá truyền thống của dân tộc ta là điều vô cùng cần thiết. Cụ thể là ảnh hưởng của *Kinh Viên Giác* trong tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* - một trước tác nổi tiếng của danh sĩ Ngô Thì Nhậm và những pháp hữu, đệ tử vào cuối thế kỉ XVIII. Bởi vì, có thể nói rằng Ngô Thì Nhậm là một “đại gia” xuất sắc tiêu biểu cho nền văn học thời kì này.

## 1. Sơ lược về *Kinh Viên Giác* (圓覺經)

*Kinh Viên Giác* có tên đầy đủ là *Đại phương quảng viên giác tu đa la liễu nghĩa* (大方廣圓覺修多羅了義) nguyên gốc chữ Phạn được các vị cao tăng Trung Quốc dịch ra tiếng Hán. Bản dịch lưu hành rộng rãi nhất là bản dịch đời Đường, niên hiệu Trường Thọ thứ hai (năm 693) của ngài Phật Đà Đa La (buddhatrāta) người Kế Tân, Bắc ấn. Bản dịch chữ Hán này chỉ có hơn mười ba ngàn chữ, phân ra mười hai chương, nhưng bao gồm hết thảy tinh yếu của giáo lí nhà Phật.

Ngoài ra, còn có các bản dịch, chú giải, lược thích, tạp chú khác của nhiều nhà Phật học lừng danh của Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Triều Tiên. Chủ yếu là các

\*. ThS., Thích Hạnh Tuệ, Tp. Hồ Chí Minh.

đại sư thuộc Thiên Tông, Hiền Thủ, Thiên Thai, v.v... như La Hầu Mặc Kiện, Duy Phát, Hám Sơn, Đạo Tuyên, Ngô Thật, Kiên Chí, Khuê Phong Tông Mật đời Đường, Nguyên Tuý đời Nam Tống, Đức Thanh, Tịnh Chánh đời Minh, Thái Hư đời Thanh, và những danh tăng đương đại như Hư Vân, ấn Quang, ấn Thuận, Tuyên Hoá, Thánh Nghiêm, Tinh Vân, v.v...

Bắt đầu từ khi sơ giải của ngài Khuê Phong Tông Mật được lưu truyền rộng rãi thì *Kinh* này được dùng làm tông chỉ cốt yếu của phái Hiền Thủ. Đến cuối đời Nam Tống, các ngài Nguyên Tuý, Thủ Tập, Thiên Thai đều viết Tập Chú *Kinh* này. Như đời Đường, Tông Mật viết *Viên Giác Kinh lược* số 4 quyển, *Viên Giác Kinh đại số*, số sao 3 quyển; đời Tống, Quang Phục biên soạn *Viên Giác Kinh sao biện nghi* ngộ 2 quyển, Thanh Viên soạn thuật *Viên Giác Kinh số sao tùy văn yếu giải* 12 quyển, Hiếu Tông Hoàng Đế chú giải *Viên Giác Kinh ngữ chú* 2 quyển, Hạnh Đình viết *Viên Giác Kinh loại giải* 8 quyển, Như Sơn viết *Viên Giác Kinh lược số tự chú* 1 quyển, Trí Thông viết *Viên Giác Kinh tâm cảnh* 6 quyển, Nguyên Tuý viết *Viên Giác Kinh tập chú* 2 quyển, Chu Kỳ viết *Viên Giác Kinh hiệp tụng tập giải giảng nghĩa* 12 quyển; Đời Minh, Đức Thanh soạn *Viên Giác Kinh trực giác* 6 quyển, Tịnh Chánh soạn *Viên Giác Kinh yếu giải* 2 quyển, Hoàng Lệ soạn *Viên Giác Kinh cú thích chánh bạch* 6 quyển, Tịnh Đình soạn *Viên Giác Kinh liên châu* 1 quyển...

Ở Nhật Bản, cách giải thích *Kinh Viên Giác* chịu ảnh hưởng của phái Hiền Thủ thì nương nơi Ngũ giáo; chịu ảnh hưởng của ngài Thiên Thai thì dựa vào Ngũ Thời Bát Giáo; hoặc theo Thiên tông thì đi thẳng vào trực ngộ tự tính Viên Giác;

Trong khi đó, tại Việt Nam, các vị cao tăng, trí giả như các hoà thượng Trung Quán, Huyền Cơ, Thích Thiện Hoa, Thích Trí Hữu, Thích Trí Quang, Thích Nhất Hạnh, Thích Giải Năng, Thích Duy Lực, Thích Thanh Từ, Thích Trí Tịnh, Đoàn Trung Còn, Từ Thông, Tuệ Sỹ, v.v... đều có dịch và chú thích, giảng giải *Kinh Viên Giác*. Nhưng phổ biến nhất hiện nay là bản dịch của Thích Thiện Hoa hoàn thành vào năm 1958. Như vậy, có thể thấy được *Kinh Viên Giác* có vị trí rất quan trọng trong *Kinh* điển Phật giáo.

*Kinh* này có năm tên gọi: một là *Đại phương quảng viên giác đà-la-ni*, hai là *Tu-đa-la liễu nghĩa*, ba là *Bí mật vương tam-muội*, bốn là *Như Lai quyết định cảnh giới*, năm là *Như Lai tàng tự tánh sai biệt*. Năm tên này được rút gọn lại là *Đại phương quảng viên giác tu-đa-la liễu nghĩa*. Chúng ta có thể hiểu nhan đề của *Kinh* này là: *Kinh* nói về tánh Viên giác tròn đầy rộng lớn đưa đến cứu cánh tuyệt đối. Nói gọn hơn nữa là *Kinh Viên Giác*, chữ “*viên giác*” có nghĩa là giác ngộ hoàn toàn, mà giác ngộ hoàn toàn chính là Phật.

Nếu như yếu chỉ của *Kinh Pháp Hoa* là chỉ rõ cái tri kiến Phật của mọi chúng sinh để mọi người quay về sống với tri kiến Phật của chính mình; *Kinh Kim Cang* là chỉ bày thật tướng các pháp để liễu ngộ thật tính Kim Cang; yếu chỉ *Kinh Bát Nhã* là quay về với tự tính Bát Nhã không sinh không diệt; yếu chỉ *Kinh Hoa Nghiêm* là diễn tả sự vô cùng vô tận của pháp giới tính nhằm ngộ nhập bản tính Phật của mỗi người và hành trình viên mãn bồ tát đạo, thì *Kinh Viên Giác* là kinh liễu nghĩa đại thừa, khai thị tự tính Viên Giác tròn đầy sáng suốt có sẵn trong mỗi chúng sinh, chỉ dẫn phương pháp phá tan si mê, chấp trước, nghi lầm, hướng chúng sinh quay về

với bản thể Viên Giác nhiệm màu, vượt ra khỏi mọi khổ đau, đạt được an lạc, thanh tịnh, giải thoát.

**2. Sơ lược về tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh (竹林宗旨元聲)**

*Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* là một tác phẩm văn học thuộc thể loại luận thuyết triết rất đặc sắc, mang đậm nét áo bí của tư tưởng Phương Đông của văn học Việt Nam nói chung, văn học Phật giáo nói riêng. Tác phẩm ra đời năm 1796 tại Thiền viện Trúc Lâm, phường Bích Câu, Hà Nội. Tác phẩm chính là sự kết tinh của tinh hoa trí tuệ của nhiều tác giả xếp vào hàng danh sĩ tiếng tăm bậc nhất trong thời đại đó.

Tác Phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* còn có tên *Đại chân viên giác thanh* bởi gọi theo phần *chính văn* của tác phẩm. Cũng gọi là *Nhị thập tứ thanh*, *Nhị thập tứ chương kinh* vì nội dung chính của tác phẩm gồm hai mươi bốn chương. Hay gọi đơn giản là *Kinh Viên Giác*.

Xét về diện mạo kết cấu và các tác giả của tác phẩm thì *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* có cấu trúc thuộc loại xưa nay hiếm, bởi ngoài phần *Trúc Lâm đại chân viên giác thanh tự* (bài tựa của *Trúc Lâm Đại chân viên giác thanh*) do Bảo Chân đạo nhân Phan Huy ích viết, thì nội dung gồm các phần: *Thanh dẫn*, *Chính văn*, *Thanh chú* và *Thanh tiểu khấu*.

*Thanh dẫn* là phần dẫn dắt giới thiệu chung cho mỗi thanh do Hải Huyền tăng Ngô Thì Hoàng viết. *Chính văn* là phần cốt lõi của tác phẩm gồm 24 thanh, có tên *Đại chân viên giác thanh*, do Hải Lượng thiền sư Ngô Thì Nhậm viết. *Thanh chú* là phần chú thích, giảng giải nội dung các thanh, do Hải Âu hoà thượng Vũ Trinh và Hải Hoà tăng Nguyễn Đăng Sở viết. *Thanh tiểu khấu* là phần tóm tắt yếu

chỉ của các thanh, do Hải Điền tăng Nguyễn Đàm viết. Phần sau tác phẩm còn có *Nhị thập tứ thanh phối khí ứng sơn chi đồ* (Biểu đồ 24 thanh phối với các tiết trong năm); *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh tông* (Đầu mối, điều kiện làm nên *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*); Và phần *Tam tổ hành trạng* (Hành trạng của ba vị tổ Thiên phái Trúc Lâm). Có lẽ do bản thân Hải Lượng thiền sư Ngô Thì Nhậm am hiểu, thể nhập sâu sắc và đứng ra đề xướng việc xiển dương tinh thần nhập thế vô ngã của tư tưởng Thiên phái Trúc Lâm cho nên ông được tôn là đệ tứ tổ của Thiên phái Trúc Lâm.

Dựa vào tên, tự, pháp hiệu và đạo hiệu của các tác giả và đồng tác giả của tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* chúng ta có thể thấy được các vị kể trên đa số đều xuất thân là nhà Nho chính thống, nhưng có người mộ Phật hành Thiên, nghiên cứu sâu Phật Pháp, có người tu tập theo tư tưởng Lão Trang. Như vậy họ vừa là Thiền sư, Đạo sĩ và Nho sĩ.

Ngô Thì Nhậm (vì kiêng phạm húy vua Tự Đức Nguyễn Phúc Thì tự Hồng Nhậm nên đổi thành Ngô Thời Nhiệm) tự Hy Doãn, hiệu Đạt Hiên, sinh ngày ngày 11 tháng 9 năm Bính Dần tức ngày 25 tháng 10 năm 1746, mất năm 1803 người xã Tả Thanh Oai (làng Tó), huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay là huyện Thanh Trì, Hà Nội) trong một “thế gia vọng tộc” có truyền thống đạo đức, khoa bảng. Đặc biệt, nhờ được sự dạy dỗ nghiêm khắc của thân phụ là Ngô Thì Sĩ (1726 – 1780), một nhà văn, nhà thơ, nhà sử học, nhà quân sự, nhà chính trị, tư tưởng gia nổi tiếng thời Lê trung hưng nên Ngô Thì Nhậm sớm đã mang trong mình trách nhiệm nặng nề của dòng họ Ngô Thì và một bầu nhiệt huyết, hoài bão *Kinh bang* tế thế.

Căn cứ vào tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* và pháp danh Hải Lượng, thì có thể nhận ra bốn sự truyền pháp cho Ngô Thì Nhậm thuộc thế hệ chữ “*Tính*” là đệ tử truyền thừa theo dòng kệ của thiền sư Minh Hành Tại Tại (1596 – 1659), sau thiền sư Chân Nguyên ba thế hệ. Bởi vì, trong chương mười một *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, tăng Hải Hoà có nhắc: “*Chiết công (thiền sư Chiết Chiết) ta đi bộ đến phương Nam, ở lộ thiên dưới gốc cây ba tháng trời mới đến trụ trì ở chùa Nhạn Tháp ở Siêu Loại, sau đó phò mã Quốc công phải cỡi quạt đến đón rước. Nay ở chùa còn thờ làm Tổ*<sup>(1)</sup>. Thiền sư Minh Hành là đệ tử của Thiền sư Chiết Chiết.

Trong khi đó, theo học giả Lê Mạnh Thát thì Hải Lượng là đệ tử của thiền sư Tính Quảng: “Việc trình bày lịch sử phát triển của thiền phái Trúc Lâm qua ba vị tổ Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang có thể nói là một sáng tạo đặc biệt của Phật giáo Việt Nam thế kỉ XVIII, khi Tính Quảng và người học trò của mình là Hải Lượng Ngô Thời Nhiệm đã sao trích những mảng tư liệu khác nhau, để tập hợp lại và cho ra đời sách Tam tổ thực lục<sup>(2)</sup>. Còn theo Thích Nhất Hạnh, trong *Việt Nam Phật giáo sử luận*, thì thiền sư Tính Quảng còn được nhắc đến dưới vai trò người đề tựa sách *Thánh đăng lục*. Vấn đề xác định hệ phái truyền thừa của Ngô Thì Nhậm, có lẽ cần phải tìm thêm những chứng cứ cụ thể mới có thể xác định được.

Ngô Thì Nhậm là một danh nhân lớn trong lịch sử văn hoá và lịch sử văn học Việt Nam. Ông đã có những đóng góp vô cùng to lớn cho dân tộc Việt Nam trên nhiều lĩnh vực như: văn hoá, triết học, văn học, giáo dục, quân sự, chính trị, ngoại giao, v.v... Chỉ xét riêng về lĩnh vực văn học, ông đã để lại một khối

lượng tác phẩm đồ sộ với nhiều thể loại khác nhau. Về thơ có các tác phẩm như: *Bút hải từng đàm, Thuỷ vân nhàn vịnh, Ngọc đường xuân khiếu, Cúc hoa thi trận, Thu cận dương ngôn, Hoàng hoa đồ phả, Cẩm đường nhàn thoại*. Về văn có các tập: *Bang giao hảo thoại, Xuân thu quản kiến, Hào mẫn ai lục, Hàn các anh hoa, Kim mã hành dư, Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*.

*Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* là tác phẩm lớn cuối cùng của Ngô Thì Nhậm, là kết tinh chín muồi cả về nội dung tư tưởng lẫn bút pháp nghệ thuật của danh sĩ này. Nói như kiểu nhà Thiền, thì tác phẩm này giống như “bài kệ truyền tâm ấn” của các thiền sư cho các đệ tử lúc sắp viên tịch. Bởi vì, tất cả những gì tinh túy nhất cũng như tâm huyết của cả một đời tác giả đều gửi gắm hết vào đây.

3. Về mối quan hệ giữa số chương trong hai tác phẩm.

Khi viết *Trúc Lâm đại chân viên giác thanh tự* Bảo Chân đạo nhân Phan Huy ích có nhận xét khái quát về tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*: “Ông anh vợ tôi là Hy Doãn Công, quan Thị trung đại học sĩ, học thức cao rộng, hơn hẳn người thường. Kinh nghiệm đúc kết càng uyên thâm, sự nghiệp càng thêm tinh túy, Tam giáo cửu lưu, Bách gia chư tử không gì là không thấu tóm được đầy đủ, hợp với tấm lòng rộng lớn, đủ để điều khiển được muôn vật, nắm vững được Tam huyền. Bộ sách Hai mươi bốn thanh âm của ông soạn ra, đã đem hết những chỗ mà lời lẽ của nhà Phật còn lơ mờ

1. Lâm Giang (chủ biên). *Ngô Thì Nhậm toàn tập*, tập 5, Nxb. Khoa Học Xã Hội, 2006, tr. 263.

2. Lê Mạnh Thát. *Trần Nhân Tông toàn tập*, Nxb. Tổng Hợp TP. HCM, 2006, tr. 291.

huyền bí, chia cắt thành từng đoạn, đầu tóm, tập hợp thành đầu mối theo thứ tự từng tiết, cho nên những gì là tinh túy, uẩn súc đã được mở rộng ra, rồi đem công hành trên bản in để tỏ rõ cho rành Thiên được biết<sup>(3)</sup>. Cộng với đại ý nội dung lá thư của Ngô Thì Đạo gửi cho Ngô Thì Nhậm chép trong Ngô gia văn phái rằng: “Cháu nhường chỗ ở làm Trúc Lâm thiền viện để thờ Tam tổ, viết *Kinh Viên Giác mới* gồm 24 thanh, dạy học trò, xưng pháp hiệu là Đệ tứ tông...”<sup>(4)</sup>. Như vậy, liên kết hai dữ liệu trên cho ta nhận thấy rằng Ngô Thì Nhậm viết “*Kinh Viên giác mới*” dựa trên cơ sở *Kinh Viên Giác*, phân thành từng đoạn, giảng giải chi tiết những phần tinh túy, uẩn súc để cho người đọc dễ tiếp nhận.

Nếu xem số *mười hai* chương của *Kinh Viên Giác* là 12 tháng của một năm và số hai mươi bốn thanh của *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* là 24 tiết (mỗi tháng có 2 tiết) thì cũng vừa đúng một năm.

Hơn nữa, mười hai chương của *Kinh Viên Giác* tương thích với *thập nhị Địa chi* (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi). Mà *thập nhị Địa chi* phối hợp với *thập Thiên can* (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý) và *Bát quái* (Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài) lập thành biểu đồ hình tròn *Nhị thập tứ thanh phối khí ứng sơn chi đồ*. Hai mươi bốn thanh trong phần chính văn của tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* được xếp theo thứ tự thuận chiều kim đồng hồ và có mối liên kết chặt chẽ, ví dụ như

Chương 1, Không thanh (空聲), thuộc Tý (子), một trong Thập nhị Địa chi (十二地支), tương ứng với tiết Đông chí (冬至), giữa giờ Tý (子半).

Chương 2, Ngộ Thanh (寤聲), thuộc Quý (癸), một trong thập Thiên can (十天干), tương ứng với tiết Tiểu hàn (小寒), đầu giờ Sửu (丑初).

Chương 3, Ỗn thanh (殷聲), thuộc Sửu (丑), tiết Đại hàn (大寒), giữa giờ Sửu (丑半).

Hai mươi bốn thanh trong Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh ứng với hai mươi bốn tiết trong vòng tuần hoàn của một năm, được làm rõ trên *Nhị thập tứ phối khí ứng sơn chi đồ* và số mười hai chương của *Kinh Viên giác* cũng vừa ứng với mười hai tháng của một năm. Phải chăng, số lượng chương của hai tác phẩm này có mối liên hệ mật thiết với nhau?

Nếu bốn chương đầu (chiếm 1/3 của 12 chương) trong *Kinh Viên giác*, là bốn chương căn bản của *Kinh* và *Chương Văn Thủ* (chương 1) là trọng yếu trong bốn chương thì ở *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, tám thanh đầu (chiếm 1/3 của 24 thanh) là tám thanh căn bản của tác phẩm và *Chương Không thanh* (chương 1) là trọng yếu của tám chương. Bảy chương kế tiếp của *Kinh Viên Giác* (Từ chương Di Lặc - chương Viên Giác) cũng như mười bốn thanh kế tiếp của *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* (Từ Định thanh - Hưởng thanh) nhằm quyết trạch những nghi lâm và mở rộng phương tiện cho phù hợp với tất cả các đối tượng. Chương Hiền Thủ (chương cuối) của *Kinh Viên giác* và hai thanh kết thúc tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh đều làm nhiệm vụ của phần lưu thông, lưu hành không để tác phẩm mai một, gián đoạn.

(Kì sau đăng tiếp)

3. Lâm Giang (chủ biên). *Ngô Thì Nhậm toàn tập*, tập 5, Nxb. Khoa Học Xã Hội, 2006, tr. 37, 38.

4. Mai Quốc Liên (chủ biên). *Ngô Thì Nhậm tác phẩm*, tập 3, Nxb. Văn học, 2002, tr. 134.